

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EQUIPMENT AND ENVIRONMENTAL SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108989893

3. Ngày thành lập: 15/11/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2, Ngách 78, Ngõ 213, Phố Giáp Nhất, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906.373.869

Fax:

Email: thietbimoitruongtm@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
2.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;	2392
3.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
4.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
5.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
6.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
7.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
8.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
9.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
10.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
11.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
12.	Sản xuất máy luyện kim	2823
13.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
14.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
15.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác;	3100
16.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
17.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

18.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
19.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
20.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
21.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
22.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
23.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
24.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
25.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
26.	Thu gom rác thải độc hại	3812
27.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
28.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
29.	Tái chế phế liệu	3830
30.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
31.	Xây dựng công trình điện	4221
32.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
33.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
34.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
35.	Phá dỡ	4311
36.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự trong ngành nghề này)	4312
37.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
39.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
40.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
41.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
42.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hoá	4610
43.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chỉ gồm có: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;	4649
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
45.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;	4663
46.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp và các loại bị cấm)	4669
47.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại cấm)	4690

48.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
51.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
52.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
53.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018.	7110
54.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
55.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
56.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
57.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
58.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
59.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo qui định của pháp luật (Trong ngành nghề này không bao gồm: dược, dược liệu và các hàng hóa nhà nước cấm kinh doanh hoặc hạn chế kinh doanh);	8299
61.	Đào tạo sơ cấp	8531
62.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
63.	Bốc xếp hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo đúng qui định của pháp luật);	5224
64.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
65.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Kiểm tra âm thanh và chấn động; - Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất...; - Kiểm tra trong lĩnh vực vệ sinh thực phẩm, bao gồm kiểm tra thú y và điều khiển quan hệ với sản xuất thực phẩm; - Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, ví như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ...; - Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy; - Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...;	7120

66.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động khí tượng thủy văn; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...; - Tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường (Căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015); - Hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trong lĩnh vực quan trắc tại hiện trường (Căn cứ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 sửa đổi theo Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018); - Hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trong lĩnh vực phân tích môi trường (Căn cứ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 sửa đổi theo Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018); - Thực hiện đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước (Căn cứ theo quy định tại Điều 5, 6 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 sửa đổi theo Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018); - Lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước (Căn cứ theo quy định tại Điều 5, 8 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 sửa đổi theo Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018);	7490(Chính)
67.	Doanh nghiệp chỉ kinh doanh các ngành nghề đã đăng ký sau khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật và sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, đồng thời kinh doanh theo đúng quy định pháp luật.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 6.900.000.000 VNĐ

Sáu tỷ chín trăm triệu đồng Việt Nam

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	HÀ VĂN CÔNG	Thôn Thụy Sơn 2, Xã Tân Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	690.000.000	10,000	035091000303	

2	HÀ VĂN THÀNH	Thôn Thụy Sơn 2, Xã Tân Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	6.210.000.000	90,000	035088004347	
---	-----------------	---	---------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HÀ VĂN THÀNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *05/06/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *035088004347*

Ngày cấp: *24/10/2019*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Thụy Sơn 2, Xã Tân Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Thụy Sơn 2, Xã Tân Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội